

UBND XÃ HẢI CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN HOÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Châu, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ
KHOI MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI
NĂM HỌC 2025 – 2026

PHẦN A

DỰ KIẾN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ

ĐỘ TUỔI: 4- 5 TUỔI

(Thực hiện từ 08 /9/2025 đến 15/5/2026)

*(Ban hành kèm theo kế hoạch số /KH -TrMN ngày tháng năm 2025 của trường MN
Diễn Hoàng)*

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
1	Trường mầm non (3 tuần), thực hiện từ 08/9 đến 26/09/2025	Trường Mầm non thân yêu	1	08-07/9/2025
			2	09-19/9-/2025
		Lớp học của bé	3	22-26/9/2025
2	Bản thân (3 tuần), thực hiện từ 29/09 đến 17/10/2025	Bé tự giới thiệu về mình	4	29/09-03/10/2025
		Bé khám phá bản thân Bé cân gì đề lớn lên và khỏe mạnh. (Lông ghép Tết trung thu)	5	06-10/10/2025
		Bé khám phá bản thân	6	13-17/10/2025
3	Gia đình bé (3 tuần), thực hiện từ 20/10 đến 07/11/2024	Gia đình của Bé	7	20-24/10/2025
		Ngôi nhà bé ở	8	27/10-31/11/2025
		- Đồ dùng Nhu cầu của gia đình bé	9	03/11-07/11/2025
4	Nghề nghiệp - Ngày Nhà Giáo Việt nam 20/11, Tuần lễ sức khỏe (6 tuần từ	Ngày hội của cô giáo 20/11(Lông ghép tổ chức ngày hội thể thao lần 1)	10	10/11-14/11/2025
		Nghề sản xuất (Làm	11	17/11-21/11/2025

	10/11 đến 19/12/2025)	ruộng, chăn nuôi)		
		Cháu yêu cô chú công nhân	12	24/11-28/11/2025
		Nghề tài xế	13	01/12-05/12/2025
		Bé tập làm bác sỹ	14	08-12/12/2025
		Cháu yêu chú bộ đội	15	15-19/12/2025
5	Thế giới động vật –Thực hiện 04 tuần từ 22/12/2025 đến 16/01/2026)	Động vật nuôi trong gia đình	16	22-26/12/2025
		Động vật sống trong rừng	17	29-02/01/2026
		Động vật sống dưới nước	18	05-09/01/2026
		Côn trùng và một số loài chim	19	12-16/01/2026
6	Thế giới Thực vật - Tết nguyên đán, mùa xuân của bé, ngày vui (6 tuần, từ 19/02 đến 06/03/2026)	Bé yêu cây xanh	20	19-23/01/2026
		Một số loài rau, củ	21	26-30/01/2026
		Một số loài quả	22	02/2-06/02/2026
		Bé vui đón tết	23	09-13/02/2026 (Nghỉ tết nguyên đán từ thứ 7 ngày 14/02 đến hết 22/2/2026)
		Mùa xuân của bé (Lồng ghép tổ chức lễ hội mừng xuân)	24	23-27/02/2026
		Ngày vui 8/3- Một số loại hoa	25	02-06/03/2026
7	Phương tiện và quy định giao thông, ngày vui 09/03 (Thực hiện 03 tuần từ	Phương tiện và quy định giao thông đường bộ-đường sắt ((Lồng ghép tổ chức ngày hội thể thao lần 2)	26	09-13/03/2026
		Phương tiện và quy định	27	16-20/03/2026

	24/02 đến 27/03/2026)	giao thông đường thủy -		
		Phương tiện và quy định giao thông hàng không	28	23-27/03/2026
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (Thực hiện 04 tuần từ 30/03 đến 24/04/2026	Nước-Vòng tuần hoàn của nước	29	30/03-03/04/2026
		Một số hiện tượng thời tiết và mùa các mùa trong năm	30	06-10/04/2026
		Đất, đá, cát, sỏi	31	13-17/04/2026
		Mùa hè sôi đông	32	20-24/04/2026
9	Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em (Thực hiện 03 tuần từ 27/04 đến 15/5/ 2026)	Quê hương yêu dấu	33	27/04-01/05/2026
		Việt Nam mến yêu	34	04-08/05/2026
		Bác Hồ kính yêu - Mừng Sinh nhật Bác	35	11-15/05/2026
	Cộng		35 tuần	

PHẦN B
KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG TRẺ
ĐỘ TUỔI: 4 - 5 TUỔI

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với trẻ - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%-20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ MG gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng VS trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi quy định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh.		
--	--	--	--

	Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc * Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải	- Giáo viên chủ nhiệm - NV nấu ăn	

	mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng. Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn	Giáo viên và bảo vệ	

	gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy VS đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực		
--	--	--	--

	hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khắm ô màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai- mũi- họng, răng- hàm- mặt, cơ- xương- khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2023 và tháng 3/2024) - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp PH chăm sóc trẻ b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Phú Diễn - Phụ huynh	

	huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu, đau mắt đỏ ...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn, hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%) + Thuốc hạ sốt; OERSOL; Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Băng thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với		
--	---	--	--

	từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch Covid- 19 - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật (nếu có)	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm hồ sơ cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất; + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp; + Khả năng nhận thức; + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

PHẦN C
KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, GIÁO DỤC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
<i>a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>	
1. Chiều cao, cân nặng của trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Trẻ trai: + Cân nặng từ 14,4 - 23.5 kg + Chiều cao từ 100.7 – 119,1 cm Trẻ gái : + Cân nặng từ 13,8 - 23.2 kg + Chiều cao từ 99,5 – 117.2 cm
2. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm;	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng: Nhóm thực phẩm giàu Protit, Lipit, Gluxit, VTM và khoáng)
3. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm và món ăn (Rau có thể nấu canh, xào, luộc, thịt có thể luộc, rán, kho, tôm rim, gạo nấu cơm, cháo...) - Ích lợi của các thực phẩm, các món ăn đối với sức khỏe. - Nhận biết một số món ăn hàng ngày.
4. Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất giúp cơ thể tang sức đề kháng phòng chống bệnh tật - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, suy dinh dưỡng, béo phì...)
5. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:	- Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng thường xuyên đúng thao tác. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tự thay quần áo khi bị bẩn, ướt. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi đồ thức ăn.
6. Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn	- Sử dụng đồ dùng cá nhân, đồ dùng sinh hoạt

gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	đơn giản đúng cách. Chỉ sử dụng cốc uống nước có ký hiệu riêng của mình, không tự ý dùng cốc của người khác. Không dùng tay bốc thức ăn...
7. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn nhai kỹ, không nhồm nhoàm, không nói chuyện riêng hay trêu chọc bạn trong khi ăn. - Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự lấy cơm, chan canh vào bát - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Trong khi ăn không được khạc nhổ bừa bãi, muốn ho hắt hơi phải ngoảnh ra ngoài. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. Thường xuyên uống nước ấm để phòng bệnh. - Không dùng tay bốc thức ăn, không xúc thức ăn, cơm của mình bỏ sang bát của bạn và ngược lại...
8. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng(Đánh răng, súc miệng bằng nước muối, sau khi ăn, trước khi đi ngủ và sang ngủ dậy để phòng bệnh), vệ sinh cá nhân (Không dung tay đưa sờ lên mắt, mũi, miệng khi chưa rửa tay và nước sát khuẩn, giữ quần áo sạch sẽ, không ẩm ướt, móng tay, chân luôn được cắt ngắn...) - Luôn đeo khẩu trang khi ra khỏi nhà và những nơi công cộng đúng cách. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết (Mùa hè: mặc quần áo cộc, đội mũ khi ra nắng, đi dép khi đi học; mùa đông mặc áo ấm, quàng khăn, đi tất- dày; Trời mưa: Mặc áo mưa, che ô ...) - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh (Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt ...) - Dạy trẻ kỹ năng đi giày dép đúng cách - Dạy trẻ kỹ năng phân loại rác. - Kỹ năng sử dụng bồn cầu

	-Dạy trẻ kỹ năng đeo khẩu trang đúng cách.
9. Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, dao, kéo, bật lửa, vỏ hộp thuốc sâu, vỏ hộp sắc cạnh, bản, trèo cây, xô đẩy bạn, trèo lên cửa sổ, chui qua bụi rậm, tắm sông, nhét hạt vào tai, mũi, uống các loại nước lạ, ăn các loại bánh kẹo không rõ nguồn gốc xuất xứ đặc biệt các loại kẹo, bim bim có màu sắc sặc sỡ trước cổng trường. Chơi gần ao, hồ, sông, suối, chơi ở đường giao thông có nhiều phương tiện đi lại, công trình đang xây dựng...,
10. Trẻ nhận ra những nơi như ao, hồ, ruộng nước, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....
11. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:	- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Dạy trẻ kỹ năng an toàn khi chơi - Dạy trẻ không chơi với những đồ vật gây nguy hiểm, - Dạy trẻ không chơi những nơi nguy hiểm - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh đuối nước - Dạy trẻ kỹ năng không đi theo và nhận quà người lạ.
12. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Thấy người bị đuối nước, bỏng, tai nạn, bắt cóc, nhận quà, đi theo người lạ, trèo cây, chui qua lan can ... Biết kêu cứu khi gười lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc dọa nạt, biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. - Biết số điện thoại của bố, mẹ hoặc người thân. + Dạy trẻ kỹ năng ứng xử khi bị lạc

	+ Kỹ năng kêu cứu khi bị bắt cóc. + Kỹ năng thoát hiểm khi hỏa hoạn... - Dạy trẻ kỹ năng phòng ứng phó với kẻ gian khi ở nhà một mình - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh bị xâm hại cơ thể
b. Phát triển vận động	
13. Trẻ thực hiện đúng đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Thực hiện các động tác tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay); Co duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Thực hiện các động tác lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau; Quay sang trái, sang phải - Thực hiện các động tác chân: Nhún chân; ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ; Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối
14. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động :	- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bằng gót chân - Đi khuyu gối
15. Trẻ kiểm soát được vận động Đi/Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	- Đi bước lùi - Đi trên ghế thể dục - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đi bước dòn ngang trên ghế thể dục - Đi nhanh, đi chậm. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn - Chạy chậm 60 - 80cm. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây
16. Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động Tung – Ném – Bắt- Chuyển	- Tung bóng lên cao và bắt - Tung bắt bóng với người đối diện - Đập và bắt bóng tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang - Ném trúng đích thẳng đứng - Chuyển, bắt bóng bên phải, bên trái - Chuyển bóng qua đầu qua chân.

17. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Chạy 15 m trong khoảng 10 giây - Ném xa = 1 tay. Chạy xa 15m - Bật xa, ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10m - Ném xa bằng 2 tay, nhảy lò cò
18. Trẻ thực hiện được vận động Bò, Trườn, Trèo	- Bò chui qua ống dài 1,2 m x 0,6 m - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4 m - Bò đích dắc bằng bàn tay căng chân qua 5 điểm - Trườn theo hướng thẳng - Trườn sắp kết hợp trèo qua ghế thể dục - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm- Bật xa 35-40 cm - Trèo lên, xuống 5 giống thang
19. Trẻ thực hiện được các vận động Bật- Nhảy	- Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35-40 cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống (Cao 30-35 cm) - Bật tách, khép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15 cm - Nhảy lò cò 3 m
20. Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động :	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi - Gập giấy - Lắp ghép hình - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình - Cài, cởi cúc, khâu, luồn, buộc dây.
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
a. Khám phá khoa học	
21. Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng đó: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...	- Tìm hiểu về một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến với sinh hoạt con người - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm + Tìm hiểu về thời tiết và các mùa trong năm + Dạy trẻ kỹ năng mặc trang phục phù hợp thời tiết ... + Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời. +Tìm hiểu các nguồn nước có trong môi

	trường sống. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây cối. + Sự kỳ diệu và lợi ích của nước. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm. + Mặt trăng và các vì sao. + Thứ tự các mùa trong năm.
22. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa , quả, lợi ích và tác hại đối với con người + Động vật nuôi trong gia đình + Động vật sống trong rừng + Động vật sống dưới nước + Sự phát triển của gà con. + Vòng đời của ếch, bướm. + Côn trùng + Một số loại hoa + Một số loại quả + Cây xanh và môi trường sống - Nhận biết một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2- 3 đồ dùng đồ chơi.
23. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán:	- Làm thí nghiệm quan sát, so sánh, phán đoán, nhận xét một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi - Tan- không tan - Vật chìm – nổi - Vị ngọt, mặn, chua... - Nước đơir màu((pha màu nước...) - Đong, đo nước - Chơi đồng hồ cát...
24. Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn	

giản của sự vật, hiện tượng gần gũi .	
25. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể + Các giác quan của bé + Cơ thể bé và các bạn + Đôi bàn tay xinh + Đôi chân thật đáng yêu Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.
26. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu theo những dấu hiệu khác nhau	+ Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu + Một số đồ chơi trong lớp + Một số đồ chơi ngoài trời + Đồ dùng bé tra, bé gái - Đồ dùng gia đình - Đặc điểm công dụng của một số loại PTGT và phân loại theo 1-2 dấu hiệu + Một số quy định và PTGT đường bộ. + Một số quy định và PTGT đường Thủy. + Một số quy định và PTGT đường hàng không. + Một số quy định và PTGT đường sắt. GDKNS; Xếp quần áo, Tập đội mũ bảo hiểm, tập mặc áo phao, bé thực hành tham gia giao thông...
27. Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	GDKNS: quy tắc an toàn và hành vi văn minh khi ngồi trên ô tô. Đặc điểm bên ngoài của hoa quả, con vật gần gũi, lợi ích, tác hại đối với con người. + Sự giống và khác nhau của cây, con, hoa, quả quen thuộc. + Phân loại cây, con, hoa , quả theo 1-2 dấu hiệu - Quan sát mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.

	- Cách chăm sóc và bảo vệ cây, con vật. + Cây xanh và môi trường sống + Một số loại rau ăn lá, củ, quả + Một số loại hoa + Một số loại quả + Một số động vật sống trong gia đình + Một số động vật sống Dưới nước + Một số động vật sống Trong rừng + Một số loại chim + Một số côn trùng - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người + Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời. + Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây cối. + Một số đặc điểm tính chất của nước + Khám phá gió.ánh sáng, không khí + Khám phá vòng chun. + Đồ dùng để ăn, uống: xoong nồi, bát, cốc... + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. + Một số đặc điểm tính chất của đất đá, cát, sỏi - GDKNS: Tập làm vườn, nhặt rau, trang trí mâm ngũ quả, làm bánh, tập cắm hoa....
28. Trẻ sử dụng các cách thức hợp lý để giải quyết vấn đề đơn giản: Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Sử dụng kinh nghiệm bản thân để giải quyết 1 số vấn đề dùng vật thay thế: Dùng chổi để làm ngựa, dùng lá chuối cuộn làm búp bê, ... - Hay có thể tự lấy quả bóng dưới gầm giường bằng cách dùng chổi hoặc gậy để chọc khoè quả bóng ra....
29. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên... - Hát các bài hát về cây, con vật ... - Vẽ, xé, dán, nặn, ghép hình cây cối, con vật ...
b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	

30. Trẻ quan tâm đến các con số như thích đếm các vật ở xung quanh hỏi: “Bao nhiêu”; “Là số mấy?”	- Các chữ số, số lượng và các số thứ tự trong phạm vi 5
31. Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng + Đếm đến 2, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 2, Nhận biết số 2
32. Trẻ so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	+ Đếm đến 3, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 3, Nhận biết số 3 + Đếm đến 4, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 4, Nhận biết số 4
33. Trẻ sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	+ Đếm đến 5, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 5, Nhận biết số 5 - So sánh số lượng 2 nhóm trong phạm vi 10. + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 2, so sánh số lượng trong phạm vi 2 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 3, so sánh số lượng trong phạm vi 3 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 4, so sánh số lượng trong phạm vi 4 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 5, so sánh số lượng trong phạm vi 5
34. Tách, gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 bằng nhiều cách khác nhau, đếm và nói kết quả	- Đếm các nhóm đối tượng. - Gộp các nhóm đối tượng và đếm - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn và đếm.
35. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày(Số nhà, biển số xe)	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe , số cứu hỏa 114), số công an cơ động (113), cấp cứu 115...
36. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1-1. - Ghép đôi tung cặp - Sắp xếp theo quy tắc 2-3 đối tượng (1:1:1; 2:2:1; 2:1:2...) + So sánh chiều cao 2- 3 đối tượng, sử dụng đúng từ cao hơn, thấp hơn; Cao nhất, thấp hơn, thấp nhất, + So sánh chiều dài 2-3 đối tượng sử dụng đúng từ Dài hơn, Ngắn hơn; Dài nhất, Ngắn

	hơn, Ngắn nhất, + So sánh chiều rộng của 2-3 đối tượng sử dụng đúng từ Rộng hơn, Hẹp hơn; Rộng nhất, Hẹp hơn, Hẹp nhất, - Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm dần về kích thước.
37. Trẻ nhận biết gọi tên các khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật.	Trẻ nhận biết gọi tên các khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật.
38. Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- Đo độ dài một vật bằng 1 đơn vị đo diện đạt kết quả đo - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo diện đạt kết quả đo
39. Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình tròn và tam giác, vuông và chữ nhật	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. + Phân biệt hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.
40. Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành hình mới theo ý thích và theo yêu cầu
41. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí đồ vật so với người khác	- Xác định phía phải- phía trái của bản thân. - Xác định phía trước- phía; phía trên; phía dưới của bản thân. - Xác định phía trước- phía; phía trên; phía dưới của đồ vật so với bản thân. - Xác định phía trước- phía; phía trên; phía dưới của đồ vật so với bạn khác .
42. Trẻ mô tả được các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Nhận biết được buổi: sáng, trưa, chiều, tối thông qua các hoạt động nổi bật trong ngày.(Sáng đi học, trưa ăn, ngủ; chiều về nhà; Tối đi ngủ....)
c, Khám phá xã hội	
43. Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân + Bé tự giới thiệu về mình. + Cơ thể tôi và bạn.
44. Trẻ nói tên, tuổi, Họ tên công việc của bố mẹ, và công việc của họ một	- Những người thân trong gia đình - Nhu cầu trong gia đình

số nhu cầu gia đình , địa chỉ gia đình những thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	
45. Trẻ nói địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện	- Gia đình của bé
46. Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong nhà trường	- Trường MN thân yêu - Các hoạt động của trường, lớp. + Dạy trẻ biết tên, địa chỉ của trường, lớp. - Biết được công việc của cô giáo mầm non là bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ....cô giáo MN giống như người mẹ hiền thứ 2 của các con ở trường.... - Công việc của các bác trong trường(Nhân viên nuôi dưỡng: Chế biến những món ăn ngon cho các con ăn hàng ngày,bác bảo vệ làm nhiệm vụ bảo vệ toàn bộ tài sản cơ sở vật chất nhà trường, đồng thời bác còn 1 nhiệm vụ nữa là cùng với các cô giáo bảo vệ các con....
47. Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp. + Lớp học của bé + Các hoạt động của trẻ ở trường mầm non
48. Trẻ kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi của một số nghề	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến,(Nghề dạy học, nghề bác sỹ, công nhân...) nghề truyền thống của địa phương (Nghề đan lát, nghề làm trống...) - Yêu quý người lao động, trân trọng sản phẩm của người lao động. + Bé tìm hiểu nghề nông. + Tìm hiểu nghề làm trống + Bé tìm hiểu xây dựng + Bé tìm hiểu nghề bác sỹ. + Cô giáo của em. + Tết nguyên đán + Mùa xuân của bé. + Nghề dịch vụ bán hàng, làm đẹp...). + Cháu yêu chú bộ đội

	+ Dạy trẻ nhận biết 1 số biển báo đơn giản.
49. Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Dạy trẻ nhận biết một số ngày lễ hội được tổ chức trong trường mầm non Ngày hội đến trường của bé, ngày tết trung thu, ngày nhà giáo việt nam 20/11, lễ hội mừng xuân, tết nguyên đán, ngày vui 8/3, ngày sinh nhật Bác, ngày quốc tế thiếu nhi 01/06...và các hoạt động nổi bật của các ngày đó:
50. Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương	- Một số danh lam thắng cảnh nổi tiếng của đất nước: Lăng Bác Hồ(Hà nội) Quảng trường Hồ Chí minh(Vinh) Quê nội, quê ngoại của Bác (Nam Đàn)... - Lễ hội đền công(Diễn châu) được tổ chức vào ngày 13-15/2 âm lịch hàng năm với nhiều hoạt động sôi nổi như: Thi người đẹp đền công, thi bóng chuyền, thi trại đẹp, ...và nhiều hoạt động sôi nổi khác. - Sự kiện văn hóa di tích lịch sử của quê hương Diễn Hoàng: Lễ cầu yên đền Bà Quận tổ chức vào ngày 12/01 âm lịch hàng năm. - Đền thờ liệt sỹ, Đền Tám Mái, Sông sơn tĩnh, cầu giai, Hòn Hung, Hòn thè Xã Diễn Hoàng Diễn Châu Nghệ An.
51. Trẻ nhận biết tên con vật, hoa quả, cây cối, đồ vật.... qua hình ảnh bằng tiếng anh.	- Trẻ nhận biết các từ tiếng anh qua hình ảnh con vật, cây cối
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
a. Nghe hiểu lời nói	
52. Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp
53. Trẻ hiểu được một số từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ khái quát về đặc điểm, tính chất, công dụng hay nhóm đối tượng: Động vật (trong gia đình, dưới nước, trong rừng), đồ dùng, đồ chơi, rau, hoa, quả, PTGT...
54. Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức

	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
b, Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
55. Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Để làm gì?”
56. Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
57. Trẻ biết phát âm các từ bằng tiếng Anh chỉ tên gọi các bộ phận cơ thể, con vật, cây, hoa, quả, đồ vật, PTGT, sự vật, hoạt động, đặc điểm, màu sắc, thứ tự các số trong dãy số tự nhiên trong phạm vi 5....	Trẻ phát âm thông qua hình ảnh quen thuộc gần gũi chỉ tên gọi các bộ phận cơ thể, con vật, cây, hoa, quả, đồ vật, PTGT, sự vật, hoạt động, đặc điểm, màu sắc, thứ tự các số trong dãy số tự nhiên trong phạm vi 5....thông qua các hoạt động trẻ làm quen Tiếng Anh
58. Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	Đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè trong các chủ đề: * Trường mầm non: + Thơ: “Tình bạn”; “Bạn mới”; cô giáo của con “Nghe lời cô giáo”; “Lên bốn”; “Cô và bé(Vũ Minh Tâm); “Cô Giáo em” (Chu Huy); “Cô và mẹ” (Trần Quốc toàn); “Bé đến lớp” (Nguyễn Thanh Sáu); “Mèo con đi học” (Phan Thị Vàng Anh); + Ca dao, đồng dao: “Nu na nu nống”; “Kéo cưa lừa xẻ”; “Dung dăng dung dẻ” * Gia đình +Thơ: “Em yêu nhà em”; “Lấy tăm cho bà” (Định Hải); “Thương ông”; “Thăm nhà bà”; “Mẹ của em”; “Lễ Phép”- “Hiếu Thảo” (Nguyễn Huy Hoàng);“Yêu mẹ” (Nguyễn Bao); “Chiếc quạt nan”(Xuân Cầu); “Làm Anh” (Phan Thị Thanh Nhàn); “Mẹ của em” (Trần Quang Vinh) Thơ Lời chào + Ca dao, đồng dao: “Tình anh em”; “Mẹ đi chợ”; “Cái bóng”; “Lời chào”

	* Bản thân: + Thơ: “Bé ơi!”; “Cô dạy” (Phạm Hồ); “Trăng sáng”; “Tâm sự của cái mũi” (Phạm Hồ); “Chối ngoan” (Vũ Minh Tâm); “Đôi mắt của em” (Lê Thị Mỹ Phương); Tự giới thiệu bản thân” (Nguyễn Huy Hoàng); “Lời chào” (Phạm Cúc); “Cái Lưỡi” (Lê Thị Mỹ Phương); “Bàn chân của Bé” (Phạm Hồ) + Ca dao, đồng dao: “Tay đẹp”; “Vươn vai” lộn cầu vòng * Nghề nghiệp + Thơ: “Cô giáo của con”; “Làm nghề như bố”; “Làm bác sỹ”; “Bé làm bao nhiêu nghề”; “Chú giải phóng quân”; “Xe chữa cháy”; “Đi bừa” + Ca dao, đồng dao: “Rềnh rềnh ràng ràng”, “Dích dắc dích dắc”; “Bé làm họa sỹ”; “Ước mơ của bé”; “Chú bộ đội”; “Đi cày” * “Động vật”: + Thơ: “Kể chuyện cho bé nghe”; “Chim chích bông”; “Rong và cá”; ong và bướm “Những chú lợn con”; “Đàn ong vàng chăm chỉ”(NLP Trinh); “Đàn bướm”(Đỗ Ngọc); “Gà mẹ và gà con” (Nguyễn Lãm Thắng); “Cá ngừ ở đâu” (Thùy linh);”Chú heo con” (Nguyễn Lãm Thắng); “Gà mẹ đếm con” (nguyễn Duy Quế) + Ca dao, đồng dao: “Con gà”; “Vè loại vật” * “Thực vật” + Thơ: “Hoa kết trái”; “Tết đang vào nhà”; “Chùm quả ngọt”; “Vườn cải”; “Hoa cúc vàng”; “Chùm quả ngọt”; “Cây dây leo”; “Tết đang vào nhà”; “Mùa xuân”; “Cây đào”;”Vườn cải” (Nguyễn Đăng Khoa); “Cây chuối nhà em” (Đoàn Lê Bích Phượng) + Ca dao, đồng dao: “Đồng dao về củ” * “Giao thông”: + Thơ: “An toàn giao thông” (Nguyễn Huy Hoàng); “Bé tập đi xe đạp”; “Chúng em học luật giao thông”; “Đèn giao thông”; “ Cô dạy
--	---

	con” (Bùi Thị Tình); “Đàn Kiến nó đi”; “Mẹ đổ Bê”; “Chú cảnh sát giao thông”; “Giúp bà”; “Chúng em chơi giao thông”(Ngô Tô Ngải) * Nước và hiện tượng tự nhiên +Thơ: Ông mặt trời “Gió”; “Hoa phượng”; “Nắng bốn mùa”; “Giọt nắng” (Vương Triều Hải); “Chị Gió” (Nguyễn Phụng), + Ca dao, đồng dao: “Ông sáo, ông sao”, “Trời mưa, trời gió” * Quê hương, đất nước, Bác Hồ: +Thơ: “Bác Hồ của em”, “Quê em vùng biển”, “Ảnh Bác”; “Về Quê” (Nguyễn Thắng); “Hồ Sen” (Võ Quăng); “Bông sen dâng Bác” (Nguyễn Hưng Hải) + Ca dao, đồng dao: “Tháp mười”; “Đố ai!”; “Đồng đăng có phố kỳ lừa”
59. Trẻ biết kể chuyện, kể lại sự vật theo trình tự có mở đầu, kết thúc	- Kể lại chuyện đã được nghe - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh - Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện . - Diễn rối, đóng kịch * Trường mầm non: Truyện: “Món quà của cô giáo”; “Mèo con và quyển sách”; “Vịt con đi học”; “Bạn mới” * Bản thân: Truyện: “Cậu bé mũi dài”; “Gấu con bị sâu răng”; “Mỗi người một việc”. * Gia đình: Truyện: “Gấu con chia quà”; “Tích chu”; “Bác gấu đen và hai chú thỏ”; “Quà tặng mẹ” Cô bé quàng khăn đỏ , Ai đáng khen nhiều hơn * Nghành nghề: Truyện: “Sự tích quả dưa hấu”; “Ba chú lợn nhỏ”; “Hai anh em”; “Ba anh em”; “Gà trống choai và hạt đậu”; “Chim Thợ may” Thần sắt * Động vật: Truyện: “Cáo thỏ và gà trống”; “Dê con nhanh trí”; “Cá cầu vòng”; “Giọng hát chim sơn ca”; “Gà cánh tiên”; Rùa con tìm nhà * Thực vật: Truyện: “Cây táo thần”; “Niềm vui từ bát canh rau cải”; “Nhỏ củ cải”; “Cây
60. Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	

	táo”; “Gói hạt kỳ diệu”; “Cây khế”, củ cải trắng * Giao thông: Truyện: “Qua đường”; “Xe lu và xe ca”; “Kiến con đi ô tô”; “Xe đạp trên đường phố”; “Thỏ con đi học”; Vì sao thỏ cụt đuôi * Nước và hiện tượng tự nhiên: Truyện: “Giọt nước tí xíu”; “Gió và mặt trời”; “Đám mây đen xấu xí”; “Nàng tiên mưa”; * Quê hương, Đất Nước, Bác Hồ - Truyện: “Niềm vui bất ngờ”; “Ai ngoan sẽ được thưởng”; “Chuyện ông gióng”; “Sự tích Hồ gươm”
61. Trẻ sử dụng các từ như “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi” trong giao tiếp	- Dạy trẻ sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng phù hợp với tình huống. - Dạy trẻ nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
62. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
63. Trẻ phát âm tên con vật, hoa quả, cây cối, đồ vật.... qua hình ảnh bằng tiếng anh.	- Trẻ phát âm các từ tiếng anh qua hình ảnh con vật, cây cối
c, Làm quen với việc đọc viết	
64. Trẻ biết chọn sách để xem, biết cách cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn và bảo vệ sách - “Đọc” truyện qua tranh vẽ - Làm quen với một số ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh,nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông - Nhận dạng một số chữ cái -Tập tô tập đồ các nét chữ
65. Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	
66. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm	
67. Trẻ sử dụng ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
1, Thể hiện ý thức về bản thân	
68. Trẻ nói được điều trẻ thích, không	- Sở thích, khả năng của bản thân

thích, những việc có thể làm được	
2, Thể hiện sự tự tin, tự lực	
69. Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích và cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	- Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao trong các hoạt động: Học; trực nhật, dọn vệ sinh, kê bàn ghế, kê phản...
3, Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
70. Trẻ nhận biết và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ, qua tranh ảnh	- Trẻ nhận ra và biểu lộ một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh trong vui chơi, học tập và sinh hoạt hàng ngày.
71. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	- Bác Hồ kính yêu và ngày sinh nhật Bác - Xem tranh ảnh về Bác Hồ, lăng Bác Hồ + Dạy trẻ nhận biết Lăng Bác được xây dựng ở thủ đô Hà Nội hình ảnh Bác Hồ múa hát cùng các cháu thiếu nhi đồng trong ngày tết trung thu, Bác hành quân cùng các chiến sỹ, bác tham gia gặt lúa cùng người dân đồng tháp, Bác tham gia luyện tập thể thao cùng các chú bộ đội...
72. Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	- Dạy trẻ hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác.
73. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	- Một số danh lam thắng cảnh nổi tiếng của đất nước: Lăng Bác Hồ(Hà Nội) Quảng trường Hồ Chí Minh(Vinh) Quê nội, quê ngoại của Bác (Nam Đàn), khu du lịch sinh thái Diên Lâm, biển Cửa Lò... - Lễ hội đền Công (Diễn Châu) - Di tích lịch sử đền Bà Quận(Diễn Hoàng)
4, Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
74. Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. - Chờ đến lượt, hợp tác chia sẻ. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường) - Dạy trẻ kỹ năng an toàn khi đi du lịch, tham

	quan, dã ngoại
75. Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Phân biệt được hành vi tốt - xấu - đúng - sai. - Thể hiện được sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi và nói lời xin lỗi. - Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi lễ phép
76. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép - Lắng nghe bố mẹ, ông bà, cô giáo và các bạn nói trong khi giao tiếp.
77. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác (Giờ vệ sinh, giờ ăn, các hoạt động...)
78. Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	- Quan tâm, giúp đỡ bạn - Phân biệt hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu”
5, Quan tâm đến môi trường	
79. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối
80. Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định, không bẻ cành, bứt hoa	- Giữ gìn vệ sinh môi trường
81. Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	- Tiết kiệm điện nước
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
82. Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
83. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận ra các loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca) trong chủ đề: * Trường mầm non: - “Bàn tay cô giáo”, “Ngày đầu tiên đi học”, “Đi học”, “Cô giáo em là hoa ê ban”; “Em đến trường Mầm non”; “Trường MN Bé yêu”; “Vui đến trường” “Trường chúng cháu là trường

	MN”; “MN hạnh phúc thân yêu”; 1 lời chào. * Bản thân: “Thật đáng chê”, “Ru con”, “Rửa mặt như mèo”, “khúc hát đôi bàn tay”, “tí sún”; “Khuôn mặt cười”; “Nhanh nhanh nào”; “Chiếc khăn tay” 5 giác quan. * Gia đình: - “Tổ ấm gia đình”, “Chỉ có một trên đời”, “Bàn tay mẹ”, “Ba ngọn nến lung linh”, “Gia đình nhỏ hạnh phúc to”, “cho con”, “mẹ đi vắng”, “ru em”; “Mẹ yêu con”; “Mùa hè”; “Ru con” * Nghề nghiệp: - “Hạt gạo làng ta”, “Ước mơ xanh”, “Màu áo chú bộ đội”, “Ước mơ của bé”, “Bố em là phi công”, “lớn lên em sẽ làm gì?”, “cháu hát về đảo xa”, “Anh phi công ơi”; “Cháu yêu cô chú công nhân”; “Bố em là phi công”; “Em làm bác sỹ” . * Động vật: - “Đàn gà trong sân”, “chú voi con ở bản đôn”, “chú ếch con”, “đàn gà trong sân”, “chị ong nâu và em bé”, “con chuồn chuồn”, “chim vành khuyên”, “Chim chích bông”; “Chi ong nâu và em bé”; “Cánh én tuổi thơ”; “Vì sao con chim hay hót”; “Chú voi con ở bản đôn”. Tôm cá cua thi tài, đi thăm nông trại. * Thực vật: - “Lý cây xanh”, “Lý cây bông”, “Lý cây đa”, “Hoa thơm bướm lượn”, “Em đi trồng cây”; “Cây trúc xinh”; “Hạt gạo làng ta”; “Quả”. * Giao thông: - “Anh phi công ơi!”, “em làm công an tí hon”, “An toàn giao thông”, “Bé học luật giao thông”; “Đi đường em nhớ”; “Đèn đỏ, đèn xanh”; “Bé học luật giao thông”. * Nước và các hiện tượng tự nhiên: - “Mưa rơi”, “bé yêu biển lắm”, “Cho tôi đi làm mưa với”, “Tia nắng hạt mưa”, “hè về vui quá”, “Những khúc nhạc hồng”, “Sau mưa hè”; “Hạt mưa xinh”; “Mưa bóng mây”; “GIọt
--	--

	mưa và em bé” * Quê hương đất nước bác Hồ: - “ Nhớ giọng hát Bác Hồ”, “Em mơ gặp Bác Hồ”, “Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng”; “Em yêu thủ đô”; “Nhớ ơn Bác”; “Đi cấy” Diễn Hoàng yêu thương, quê hương.
84. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát trong chủ đề, vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu, lựa chọn thể hiện các hình thức vận động theo nhạc, lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát...: * Trường mầm non: - “Lớp chúng mình”, “Em đi mẫu giáo”, “Em đến trường mầm non”, “ trường chúng cháu là trường Mầm non”, “Cả tuần đều ngoan” * Bản thân: - “Rửa mặt như mèo”; “Tập rửa mặt”; “Xòe bàn tay, nắm ngón tay” “Tay thơm, tay ngoan”, “Đường và chân”, “Khuôn mặt cười”, “Cái mũi, Mừng sinh nhật” * Gia đình: - “Cả nhà đều yêu”, “Nhà của tôi”, “Cả nhà thương nhau”, “Cháu yêu bà”, “Gia đình gấu” “Mẹ yêu không nào”; “Gia đình nhỏ hạnh phúc to”; “Ba ngọn nến lung linh”; * Nghề nghiệp: - “Cháu yêu cô chú công nhân”, “Bác đưa thư vui tính”, “Ba em là công nhân lái xe”, “Cháu yêu cô thợ dệt”, “Bé làm họa sĩ”, “Lớn lên cháu lái máy cày”, “Cô và mẹ”. “Chú bộ đội” Em làm bác sỹ . * Động vật: - “Gà trống mèo con và cún con”, “Đố bạn”, “Cá vàng bơi”, “Voi làm xiếc”, “Chú thỏ con”, “Rửa mặt như mèo”, “Lêu lêu chú chuột nhắt”; “Đầu bếp tí hon”; “Gà trống thổi kèn”; “Con cào cào”; “Gà trống mèo con và cún con”; * Thực vật:

	- “Em yêu cây xanh”, “Hoa trong vườn”, “Sắp đến tết rồi”, “Vườn rau của ba”, “Quả”, “Em thêm một tuổi” * Giao thông: - “Em đi qua ngã tư đường phố”, “Đèn xanh đèn đỏ”, “Bác đưa thư vui tính”, “Em đi chơi thuyền”, “Đi đường bé nhớ”, “Cô giáo dạy em bài học giao thông”, “Đường em đi”; “Tàu chú lại ra khơi”; “Bé làm lái xe”; * Nước và các hiện tượng tự nhiên: - “Cho tôi đi làm mưa với”, “Trời nắng trời mưa”, “mùa hè đến”, “cháu vẽ ông mặt trời”, “hạt mưa xinh”, “mưa bóng mây” “Xúc xắc xúc xẽ”; “Trời nắng trời mưa”; “Mùa hè đến”; * Quê hương đất nước Bác Hồ: - “Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác”; “Việt nam quê hương tôi”; “Em mơ gặp Bác Hồ”, “Em yêu thủ đô”, “Nhớ giọng hát bác Hồ”, “Nhớ ơn Bác”; “Múa với bạn tây nguyên”;
85. Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vận động theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp (Vỗ tay, gõ đệm) 2/4, 3/, vận động theo tiết tấu (Nhanh, chậm, phối hợp), múa minh họa các bài hát theo chủ đề.
86. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc, bố cục	- Phối hợp các kỹ năng vẽ (Vẽ nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong tròn, nét cong nhọn, đường dích dắc, vẽ bút chì, bút sáp, màu nước. vẽ đường nét, vẽ mảng màu, vẽ theo đường bao, tô màu,...) để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối hài hòa, hợp lý. - Vẽ tô màu hoa trong vườn trường - Vẽ tô màu đồ chơi trong lớp học - Vẽ tô màu ngôi nhà - Vẽ tô màu người thân trong gia đình - Vẽ quà tặng chú bộ đội - Vẽ tô màu cây xanh - Vẽ tô màu rau củ quả bé thích

	- Vẽ tô màu vườn hoa mùa xuân - Vẽ tô màu con mèo - Vẽ tô màu con bướm - Vẽ tô màu tàu hỏa - Vẽ tô màu ô tô - Vẽ tô màu cảnh mùa hè - Vẽ tô màu chiếc ô - Vẽ tô màu theo ý thích
87. Trẻ xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Phối hợp các kỹ năng cắt (Cắt đường thẳng, đường cong, đường cong nhọn, đường dích dắc, đường bao...), xé (Xé vụn, xé dải, xé mảnh, xé theo đường bao, đường cong tròn, đường cong nhọn...), dán (Kỹ năng lấy, phết hồ, đặt đúng vị trí và miết...), để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối. + Cắt, dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc + Xé, dán bông hoa trang trí cửa sổ + Cắt, dán cái thang cho chú công nhân + Xé, dán trang trí bình hoa tặng cô giáo + Xé, dán quả + Cắt , dán con vật sống dưới nước + Xé, dán máy bay trực thăng + Xé, dán mặt trời và những đám mây + Xé dán đàn cá bơi + “Xé dán cây xanh + Xé dán bông hoa + Xé dán mưa + Cắt dán cái lược + Cắt dán theo ý thích + Cắt dán trang trí ngôi nhà + Cắt dán đôi tất + Cắt dán ô tô + Cắt dán hoa mừng sinh nhật Bác ...
88. Trẻ biết làm lồm, dỗi bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Phối hợp các kỹ năng nặn (Xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt, làm lồm, bẻ loe, nắn, vuốt nhọn, uốn cong, vẽ, véo, vuốt, miết, ấn bằng bàn tay...) để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối, hợp lý.

	+ Nặn kính đeo mắt + Nặn một số loại quả + Nặn cái bát + Nặn cây nấm + Nặn củ cà rốt + Nặn bông hoa + Nặn cái làn + Nặn đồ dùng trong gia đình + Nặn theo ý thích
89. Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình, in hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình(Gấp đôi, gấp ba, gấp 4...miết dọc và lộn giấy...) để tạo ra sản phẩm có kích thước, hình dáng; phối hợp các nguyên liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm
90. Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	+ Trang trí rèm cửa lớp học + làm búp bê bằng rom + Trang trí váy áo bé trai, bé gái + làm quà tặng bạn + Trang trí khăn quàng cổ + Làm đồng hồ đeo tay + Làm ca vật tặng bố + làm thiệp chúc mừng cô giáo + làm khung ảnh gia đình bé + Gấp quạt giấy + Làm đồ dùng của chú bộ đội + Làm đồ dùng sản phẩm một số nghề + làm con vật từ các nguyên vật liệu + Làm hoa từ dầu vôi tay + Trang trí tán lá cây + Trang trí cảnh đào, cảnh mai + Gấp máy bay, gấp thuyền + Làm mưa ngũ sắc, làm phao bơi + Làm hoa từ tăm bông + Làm quà tặng chú bộ đội + Tạo hình từ lá cây + Làm con vật từ vỏ nghêu + Ghép bông hoa bằng hạt đậu + Làm tranh từ sỏi đá + Làm chiếc thuyền từ que kem + Làm cái mũ từ các hộp sữa chua...

91. Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình, của tác phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét
92. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. Và biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	
93. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình

P. HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Liên